TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng
2. Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Mai Trường A, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Chị Tô Lam P, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21/4/2023 và đơn xin vắng mặt ngày 03/5/2023 anh Mai Trường A trình bày: Anh và chị Tô Lam P chung sống với nhau từ năm 2018, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (*theo giấy chứng nhận kết hôn số 134 ngày 27/12/2018*). Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu sống hạnh phúc. Thời gian về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải với nhau. Mặc dù, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị P.

- *Về con chung*: Trong thời gian chung sống anh và chị P có 01 người con tên Mai Gia H, sinh ngày 03/9/2019. Hiện nay đang sống cùng với chị P. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 12/5/2023, bị đơn chị Tô Lam P trình bày : Chị và anh A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T vào năm 2018

đúng như anh A trình bày. Về mâu thuẫn hôn nhân xảy ra đúng như anh A trình bày. Xét thấy hôn nhân của chị và anh A không thể hàn gắng được nên chị đồng ý ly hôn với anh A; Về con chung: Có 01 người con chung tên Mai Gia H, sinh ngày 03/9/2019. Khi ly hôn chị đồng ý trực tiếp nuôi con. Đồng ý việc anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; Về tài sản chung và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

Bị đơn chị Tô Lam P có nơi cư trú tại khóm G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Mai Trường A khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Tô Lam P tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Anh A là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh A là nguyên đơn, chị P là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh A và chị P xin vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Mai Trường A và chị Tô Lam P xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2018, hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh A và chị P phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cuộc sống không hòa hợp, không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị P đã sống ly thân hơn 06 tháng nay. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh A, cho anh được ly hôn với chị P.

[3] *Về con chung:* Anh A và chị P có 01 người con chung tên Mai Gia H, sinh ngày 03/9/2019. Khi ly hôn anh A đồng ý giao con chung cho chị P được trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, con chung tên Mai Gia H, sinh ngày 03/9/2019. Hiện nay cháu đang sống cùng với chị P, từ khi anh và chị P sống ly thân đến nay cháu H sống cùng với chị P, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Tại đơn xin vắng mặt chị P đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Mai Gia H cho chị Tô Lam P được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Tại đơn khởi kiện và đơn xin vắng mặt anh A đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Mai Gia H mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tại đơn xin vắng mặt chị P đồng ý mức cấp dưỡng nuôi cháu H 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ theo quy định tại Điều 107 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng anh A đặt ra 2.000.000 đồng/tháng chị P thống nhất. Xét thấy các bên đã thống nhất được với nhau mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, buộc anh A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Gia H, sinh ngày 03/9/2019 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Anh A xác định không có, chị P xác định có nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh A phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Trường A về việc ly hôn với chị Tô Lam P.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Gia H, sinh ngày 03/9/2019 (Giới tính: Nữ) cho chị Tô Lam P được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Mai Trường A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng: Buộc anh Mai Trường A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Mai Gia H, sinh ngày 03/9/2019 mỗi tháng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 17/5/2023 cho đến khi cháu Mai Gia H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Tô Lam P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Mai Trường A không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng trên, anh Mai Trường A còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về án phí: Anh Mai Trường A phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngày 21/4/2023 anh A đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006608 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí. An phí cấp dưỡng anh A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã đăng ký việc kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công